

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH TÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
Bản án số: 1230/2018/HNGĐ - ST  
Ngày: 30/8/2018  
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Việt Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Tý;
2. Bà Phạm Thị Phạm Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Ngọc Ánh, là Thư ký Tòa án nhân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Đức Nhã – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 798/2018/TLST–HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2018/QĐXXST ngày 01 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: Số 1054J, Quốc Lộ 1A, KP3, phường A, quận B, Thành phố H.

*2. Bị đơn:* Ông Quách Hồng H, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: Số 1054J, đường Q, KP3, phường A, quận B, Thành phố H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T trình bày:* Bà T và ông H sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 453, quyền số 03/02 ngày 19 tháng 7 năm 1999 của Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Bà T cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và thường xuyên cự cãi nhau, nguyên nhân chính là do ông H không có trách nhiệm với gia đình, không lo cho vợ con và có hành vi bạo lực với bà T. Sau nhiều lần cố gắng hàn gắn quan hệ vợ chồng với

nhau nhưng vẫn không được, đến nay tình cảm của bà T đối với ông H không còn, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà T trình bày vợ chồng có 01 con chung tên Quách Hồng Chí T, sinh ngày 22/11/2000. Bà T yêu cầu được nuôi con chung, ông H không phải cấp dưỡng để nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận;

- Về nợ chung: Bà T trình bày vợ chồng không có.

*\* Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông H trình bày:* Ông H xác nhận những lời khai của bà T về thời gian quen biết, điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn hoàn toàn là đúng sự thật và không bổ sung gì thêm.

Về nguyên nhân mâu thuẫn ông H cho rằng vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau chỉ là do vấn đề kinh tế của gia đình và mâu thuẫn với gia đình bên vợ; Về chuyện bạo lực gia đình ông H thừa nhận là có nhưng đã là chuyện rất lâu về trước. Nay ông H trình bày ông còn thương vợ, thương con nên ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông H trình bày vợ chồng có 01 con chung tên Quách Hồng Chí T, sinh ngày 22/11/2000. Nếu ly hôn ông H đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng để nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông H trình bày vợ chồng tự thỏa thuận;

- Về nợ chung: Ông H trình bày không có.

*\* Tại phiên tòa:*

- Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; Còn ông H không đồng ý ly hôn với bà T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 70, 71, 72, 73, 234 Bộ luật tố tụng dân sự; Thời hạn giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát chưa đảm bảo theo khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H; Giao cho bà T được nuôi 01 con chung, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*\* Về thủ tục tố tụng:*

[1] - Nguyên đơn bà T có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn ông H. Bị đơn hiện cư trú tại quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ

luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh;

*\* Về nội dung vụ án:*

[2] - Về quan hệ hôn nhân: Bà T với ông H chung sống vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do có bất đồng quan điểm sống hay cự cãi nhau mà nguyên nhân chủ yếu do ông H không có trách nhiệm với gia đình, không lo cho vợ con và có hành vi bạo lực với bà T, hơn nữa còn có nhiều mâu thuẫn trong vấn đề kinh tế của gia đình, những mâu thuẫn giữa ông H với gia đình bên vợ và hiện nay vợ chồng cũng đang ly thân với nhau. Do đó, xét thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng giữa bà T và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử, chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] - Về con chung: Vợ chồng bà T và ông H có 01 con chung tên Quách Hồng Chí T, sinh ngày 22/11/2000; Ly hôn bà T và ông H tự nguyện thống nhất, là giao con chung cho bà T được nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng để nuôi con chung. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà T và ông H, là tiếp tục giao con chung tên Quách Hồng Chí T, sinh ngày 22/11/2000 cho bà T được trực tiếp nuôi, ông H không phải cấp dưỡng để nuôi con chung, là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] - Về tài sản chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận. Nếu sau này có tranh chấp, thì được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] - Về nợ chung: Không có.

[6] - Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[7] *Phát biểu của Kiểm sát viên:* Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H và giao cho bà T được nuôi con chung, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Việc đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và đúng với quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Bà Lê Thị T được ly hôn với Ông Quách Hồng H;

Giấy chứng nhận kết hôn số 453 quyền số 03/2002 ngày 19/7/1999 của Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị.

- Áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Về con chung: Giao 01 con chung tên Quách Hồng Chí T, sinh ngày 22/11/2000 cho Bà Lê Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, Ông Quách Hồng H không phải cấp dưỡng để nuôi con chung;

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở quyền này, vì quyền lợi ích của con theo yêu cầu của bà T và ông H hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị T và Ông Quách Hồng H tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 029441 ngày 05/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, nên xem như xong.

- Căn cứ Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị T và Ông Quách Hồng H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q.Bình Tân;
- UBND nơi cấp giấy chứng nhận ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**Phạm Việt Hải**

